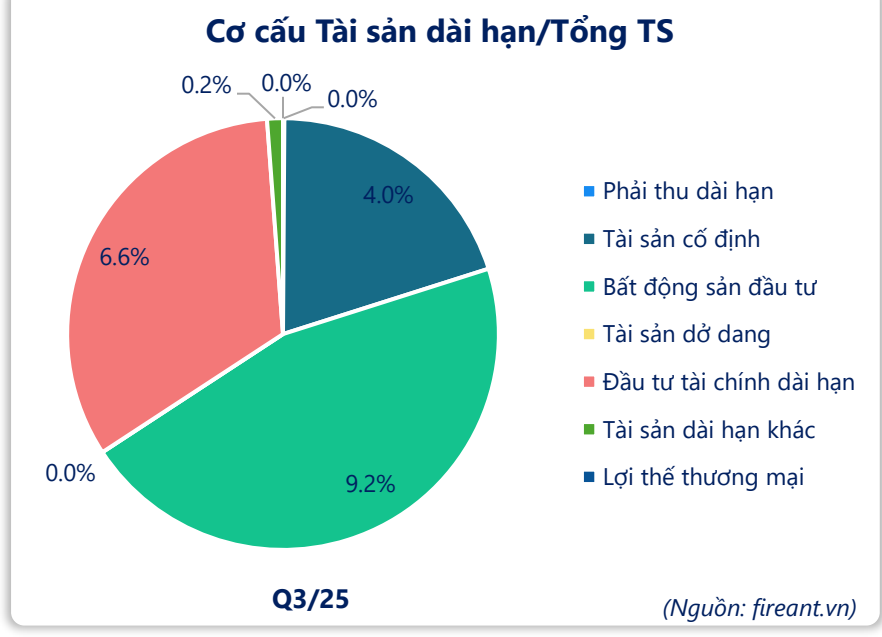
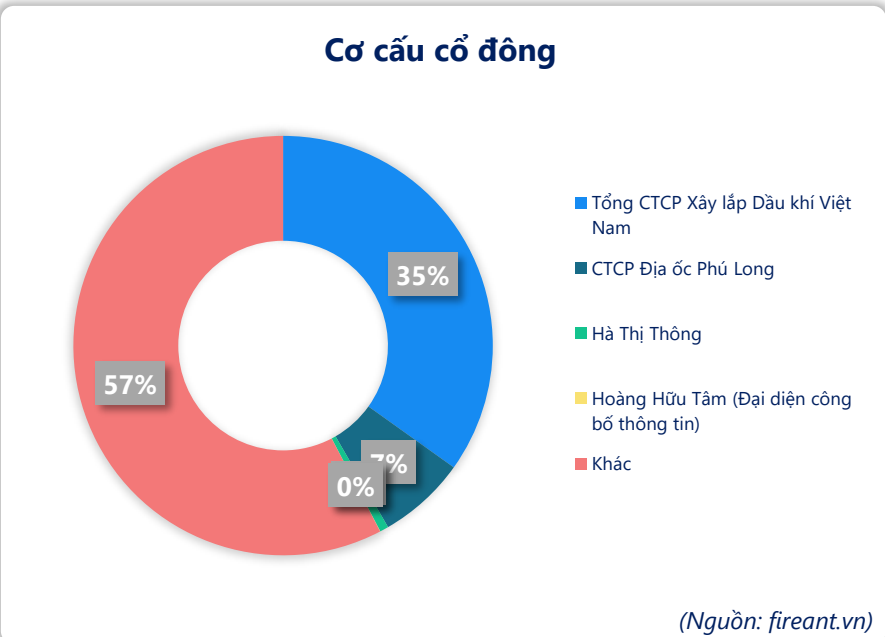
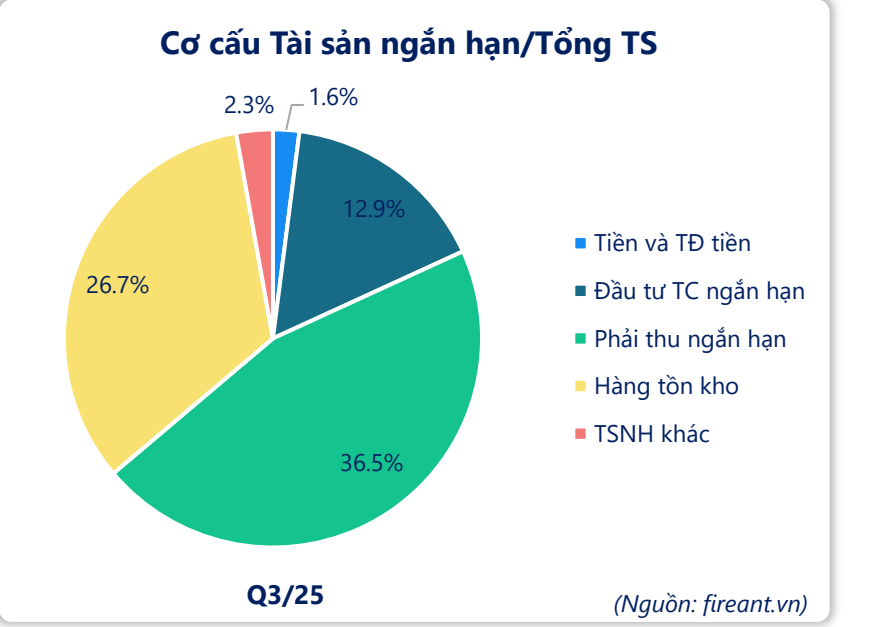
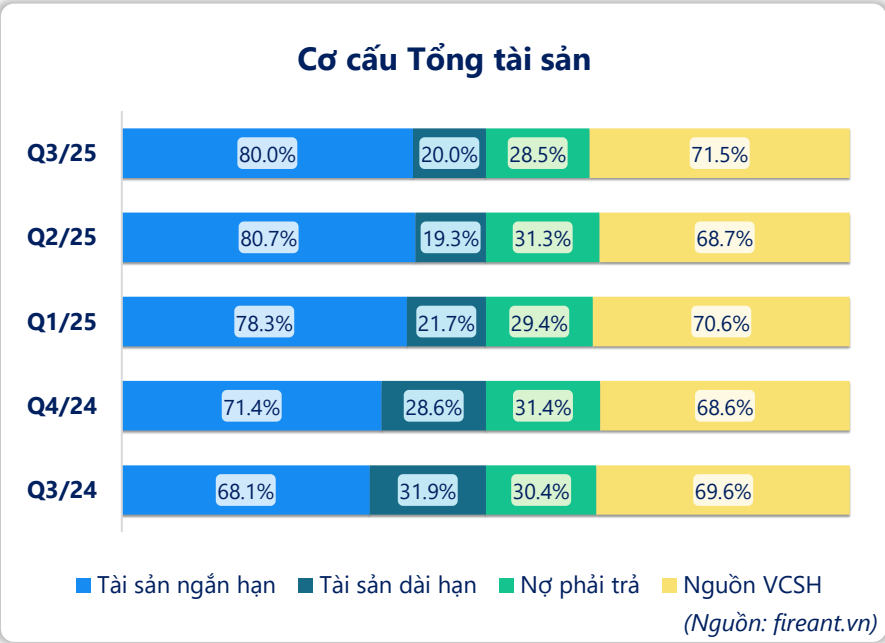
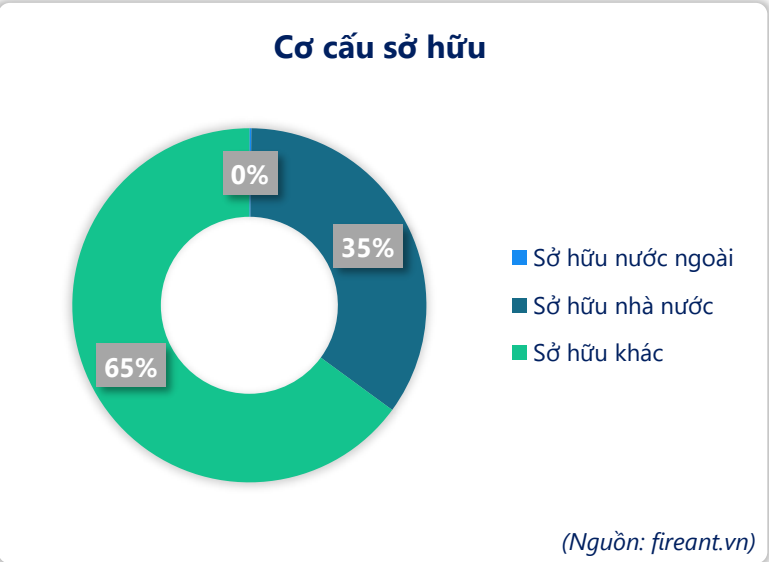
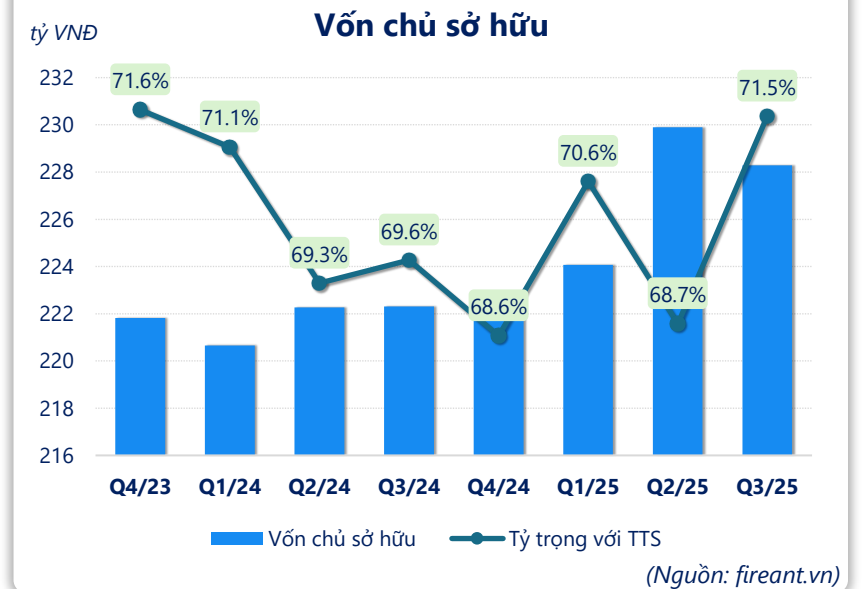
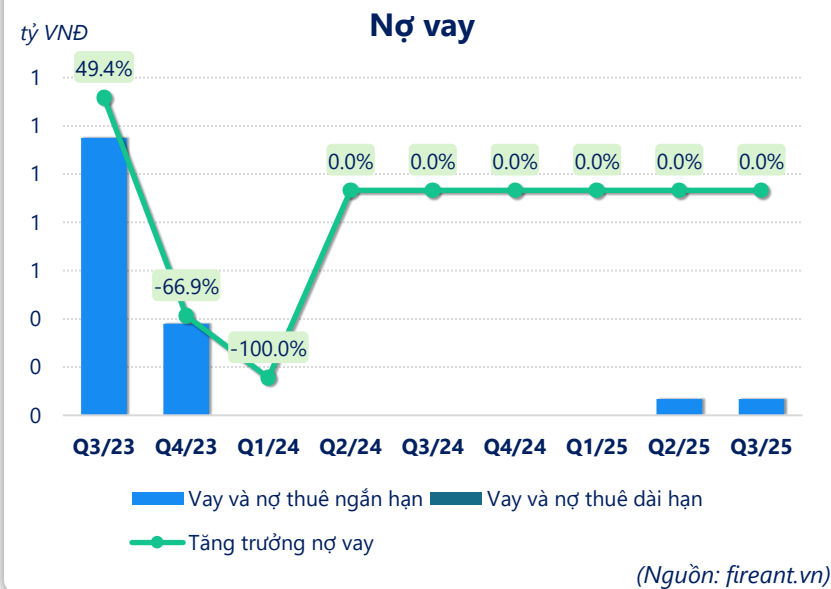
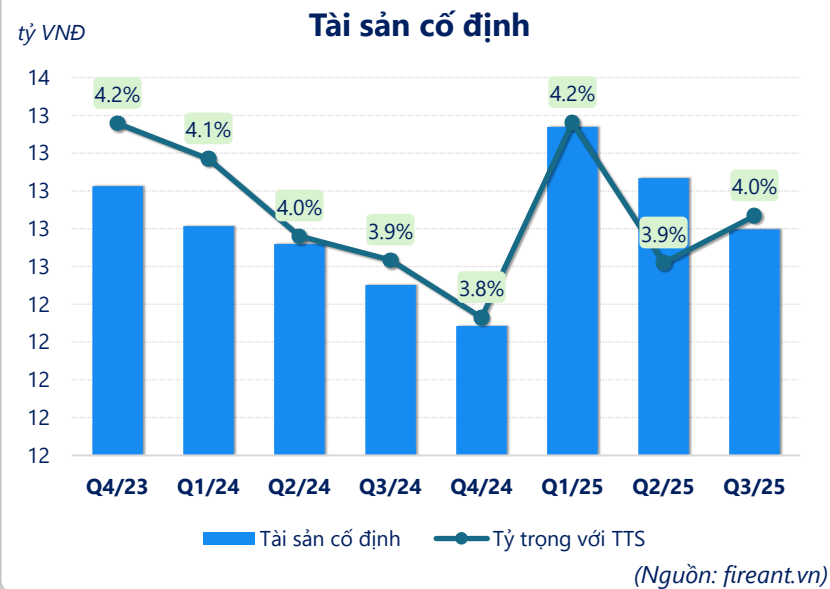
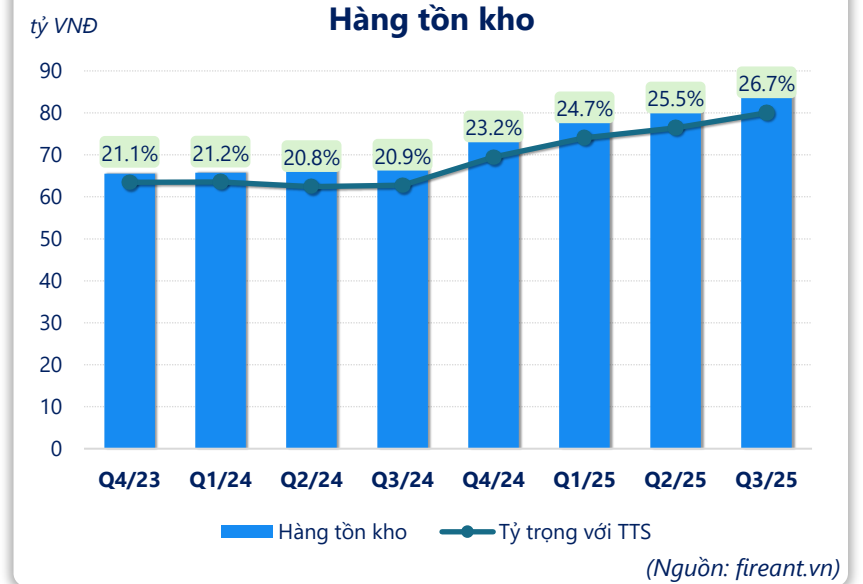
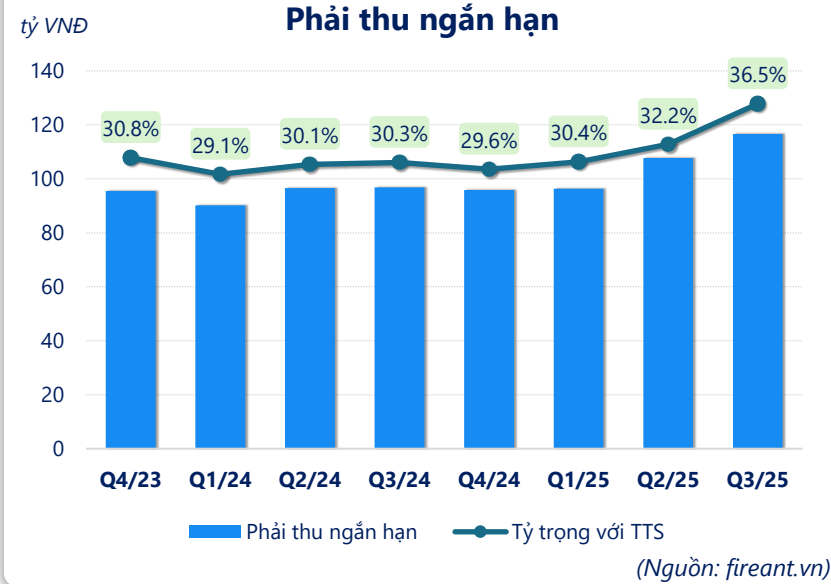
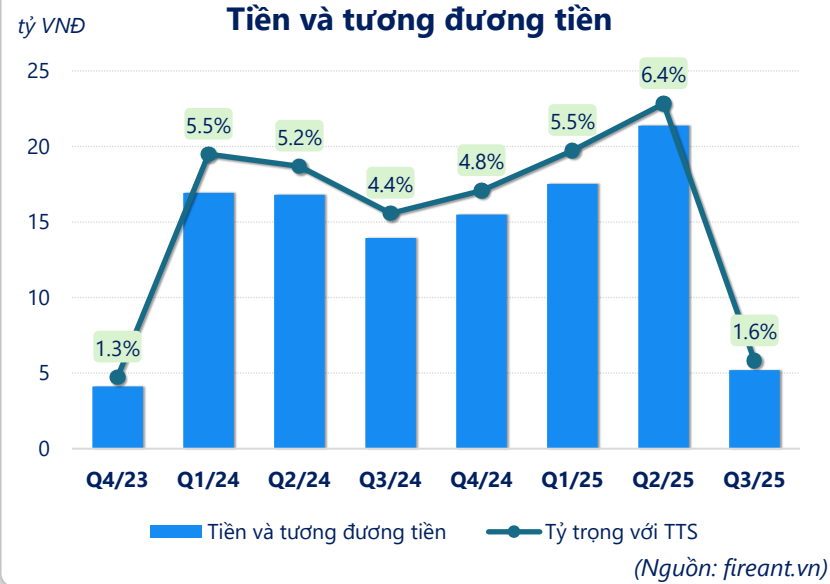
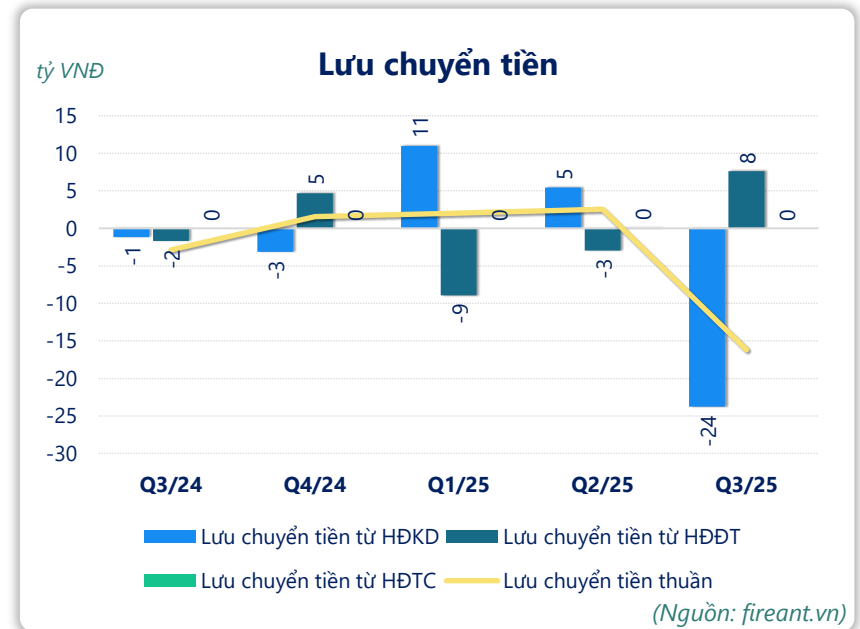
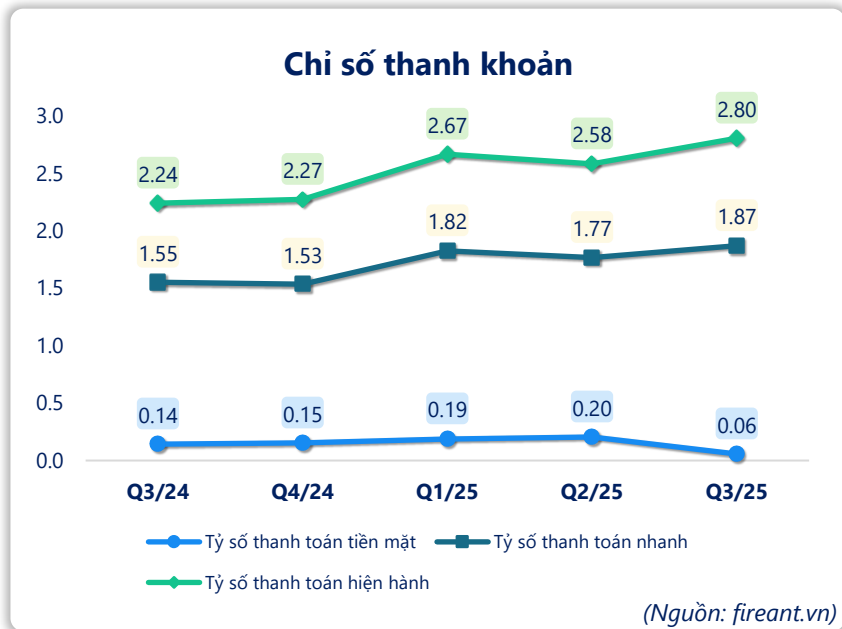
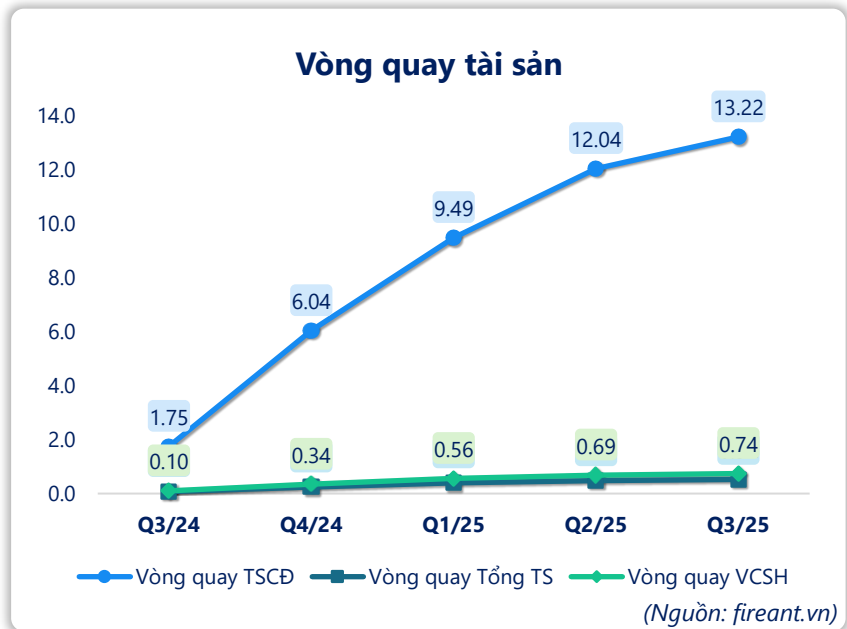
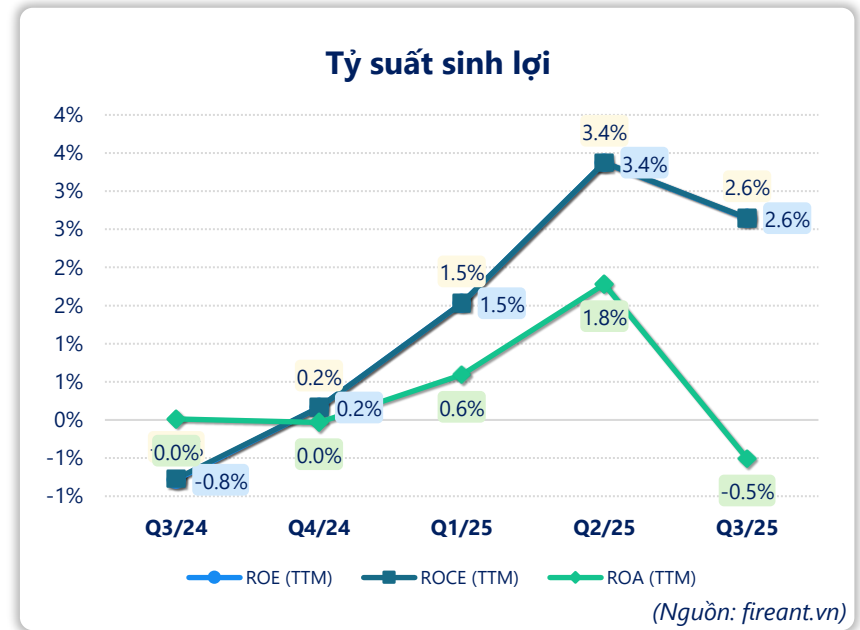
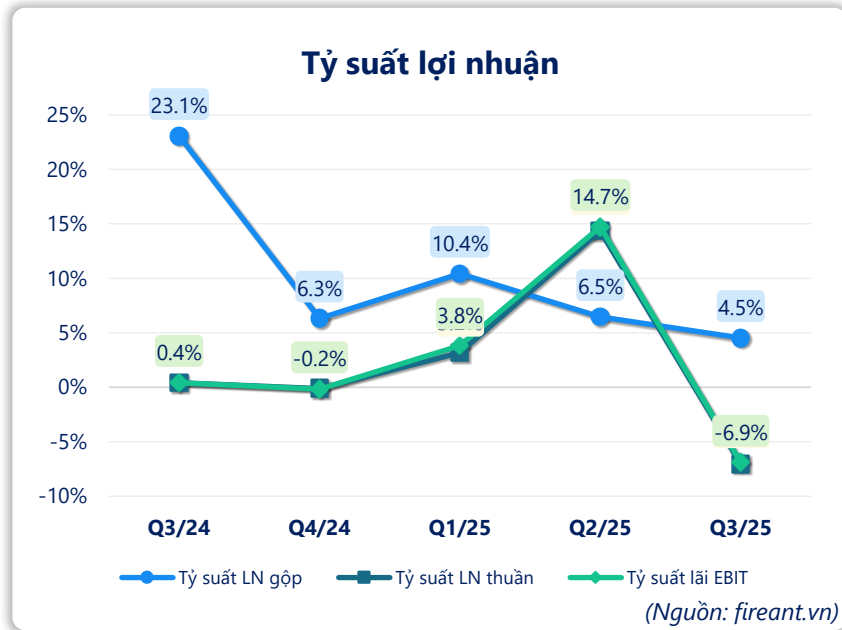
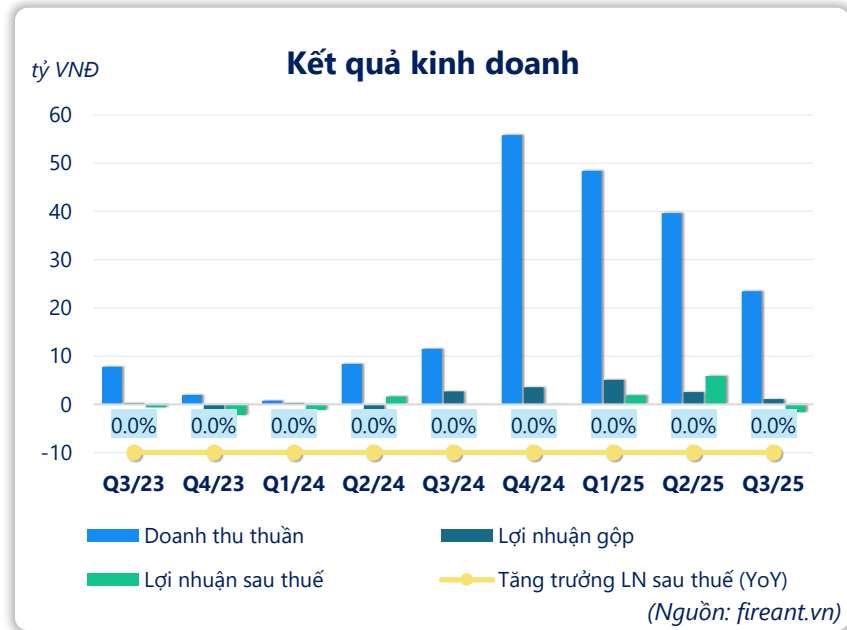


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		2,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		3,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		1,900
SL cổ phiếu LH		50,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		169,330
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		130
P/E		21.8
EPS		119

	YTD	1T	3T	6T
PFL	23.8%	-18.8%	13.0%	4.0%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	319	324	-1.4%
Tài sản ngắn hạn	255	231	10.4%
Tiền và tương đương tiền	5.19	16.8	-69.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	41.2	36.1	14.1%
Phải thu ngắn hạn	117	95.9	21.6%
Hàng tồn kho	85.2	75.1	13.5%
Tài sản ngắn hạn khác	7.21	7.45	-3.3%
Tài sản dài hạn	64.0	92.8	-31.0%
Phải thu dài hạn	0.07	0.07	0.0%
Tài sản cố định	12.8	12.3	4.2%
Bất động sản đầu tư	29.2	31.8	-8.0%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	21.1	21.1	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.76	27.5	-97.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	91.0	102	-10.6%
Nợ ngắn hạn	91.0	102	-10.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.07	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	27.3	32.2	-15.3%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	228	222	2.7%
Vốn chủ sở hữu	228	222	2.7%
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	11.5	55.8	48.4	39.6	23.4
Giá vốn hàng bán	8.84	52.3	43.4	37.0	22.3
Lợi nhuận gộp	2.65	3.52	5.05	2.56	1.06
Doanh thu HĐTC	0.44	0.44	0.64	8.38	0.60
Chi phí TC	0	0	0	0.00	0.00
Chi phí lãi vay	0	0	0	0.00	0.00
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.54	1.30	1.05	1.70	1.30
Chi phí QLDN	2.51	2.73	3.11	3.56	2.01
LN thuần từ HĐKD	0.05	-0.07	1.54	5.68	-1.65
Lợi nhuận khác	0.00	-0.03	0.31	0.15	0.03
LN trước thuế	0.05	-0.10	1.85	5.83	-1.62
Lợi nhuận sau thuế	0.05	-0.10	1.85	5.83	-1.62
LNST của CĐ cty mẹ	0.05	-0.10	1.85	5.83	-1.62

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.18	-3.14	11.0	5.45	-23.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.68	4.69	-8.94	-2.97	7.60
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0.07	0
Tiền đầu kỳ	16.8	13.9	15.5	17.5	21.4
Lưu chuyển tiền thuần	-2.86	1.55	2.04	2.55	-16.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	13.9	15.5	17.5	21.4	5.19

(Nguồn: fireant.vn)